

Số: /TM-TTYT

Ngũ Hành Sơn, ngày tháng năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hoá chất xét nghiệm phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Quận Ngũ Hành Sơn năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Quận Ngũ Hành Sơn;

Địa chỉ: số 582 đường Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- DS Nguyễn Thị Minh

- Chức vụ: Trưởng khoa Dược – TTB – VTYT

- Số điện thoại: 0914.165.468

- Địa chỉ email: minhluckypharmacist@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ hoặc qua đường Bưu điện tại: Bộ phận Văn thư – phòng Tổ chức hành chính, Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn

- Địa chỉ: 582 đường Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

- Số điện thoại : 0236.3969.894

- Nhận qua mail: ttytnhs@danang.gov.vn (File mềm và file scan bảng mô tả cấu hình kỹ thuật và Catalog sản phẩm)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 27/03/2024 đến 17h00 ngày 27/04/2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu là 90 ngày, kể từ ngày 27/03/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất xét nghiệm:

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng	Đơn vị tính
A. Hoá chất xét nghiệm sinh hoá				
1	Chất chuẩn xác nhận giá trị sinh hóa	<p>Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> -Thành phần: Huyết thanh người và các thành phần hóa học - Độ bền trên máy: ở 25°C: 8 giờ; ở 2-8°C: 7 ngày <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR</p>	4	Hộp
2	Chất QC mức bình thường	<ul style="list-style-type: none"> - Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Bovine serum, spiked with clinical chemistry parameters (enzymes, substrates, electrolytes, organic and inorganic compounds, proteins, lipids) - Độ bền trên máy: 8 giờ ở 25°C; 7 ngày ở 2-8°C <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR</p>	4	Hộp
3	Chất QC mức bệnh lí	<ul style="list-style-type: none"> - Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Bovine serum, spiked with clinical chemistry parameters (enzymes, substrates, electrolytes, organic and inorganic compounds, proteins, lipids) - Độ bền trên máy: 8 giờ ở 25°C; 7 ngày ở 2-8°C <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR</p>	4	Hộp
4	Thuốc thử đo GOT LiquiUV	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GOT trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Thành phần: R1: TRIS buffer (pH 7.8) 100 mmol/l, L-aspartate 300 mmol/l, LDH ≥ 0.9 kU/l, MDH ≥ 0.6 kU/l. R2: 2-oxoglutarate 60 mmol/l, NADH 0.9 mmol/l - Độ bền trên máy: 56 ngày <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa</p>	3	Hộp

		<p>HS300SR</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dãy đo: 3 – 500 U/l or 0.05 – 8.33 μkat/ 		
5	Thuốc thử đo GPT LiquiUV	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng GPT trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. -Thành phần: R1: TRIS buffer (pH 7.5) 150 mmol/l, L-alanine 750 mmol/l, LDH \geq 1.2 kU/l. R2: 2-oxoglutarate 90 mmol/l, NADH 0.9 mmol/l - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 6 – 500 U/l 0.10 – 8.33 μkat/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 	3	Hộp
6	Thuốc thử Calcium	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Calcium trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Phương pháp: CALCIUM OCPC/AMP -Thành phần: R1: Lysine buffer (pH 11.1) 0.2 mol/l Sodium azide 0.095 %. R2: 8-Hydroxyquinoline 14 mmol/l, o-Cresolphthalein-complexone 0.1 mmol/l, Hydrochlorid acid 40 mmol/l - Độ bền trên máy: 21 ngày - Dãy đo: 0.25 – 20 mg/dl 0.06 – 5.00 mmol/ Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 	5	Hộp
7	Thuốc thử Creatinine	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng auto-Creatinine trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Phương pháp: Jaffé - Thành phần: R1: Sodium Hydroxide 160 mmol/l, R2: Picric Acid 13.9 mmol/l - Độ bền trên máy: 21 ngày - Dãy đo: 0.10 – 25.0 mg/dl 8.84 – 2210 μmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 	4	Hộp
8	Thuốc thử Glucose	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Glucose trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. 	9	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp: GODPAP -Thành phần: R1: Phosphate buffer, pH 7.5 100 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l, Phenol 0.75 mmol/l, Peroxidase \geq 1.5 KU/l, Glucose oxidase \geq 15 KU/l, Mutarotase $>$ 0.1 KU/l, Sodium azide 0.095 % -Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 2 – 500 mg/dl 0.11 – 27.8 mmol/l <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR</p>		
9	Thuốc thử đo Gamma GT Liquicolor	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: so màu động học - Thành phần: [BUF] Buffer / Enzyme reagent (R1) TRIS buffer, pH 8.3 125 mmol/l Glycylglycine 150 mmol/l Sodium azide 0.095% [SUB] Substrate (R2) L-gamma-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 56 ngày <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR</p>	4	Hộp
10	Thuốc thử HDL Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/ EDTA. - Thành phần: R1: Good's buffer, pH 6.6 (25°C) 100 mmol/l, Sodium chloride 170 mmol/l, Cholesterol esterase 1400 U/l, Cholesterol oxidase 800 U/l, Catalase 600 kU/l, Ascorbate oxidase 3000 U/l, N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS) 0.56 mmol/l, Chất bảo quản 0.1 % w/v. R2: Peroxidase 3500 U/l, 4-Aminoantipyrin (4-AA) 4 mmol/l, Good's buffer, pH 7.0 (25°C) 100 mmol/l, Chất bảo quản 0.1 % w/v, Chất tẩy rửa 1.4 % w/v, Sodium azide 0.05 % w/v - Độ bền trên máy: 14 ngày <p>Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR</p>	13	Hộp

11	Thuốc thử TRIGLYCERIDE	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Triglycerides trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/ EDTA. - Phương pháp: Enzymatic colorimetric test (thủy phân enzym với lipase) - Thành phần: R1: PIPES buffer (pH 7.5) 50 mmol/l, 4-chlorophenol 5 mmol/l, 4-aminoantipyrine 0.25 mmol/l Magnesium ions 4.5 mmol/l, ATP 2 mmol/l, Lipases ≥ 1.3 U/ml, Peroxidase ≥ 0.5 U/ml, Glycerol kinase ≥ 0.4 U/ml, Glycerol-3-phosphate oxidase ≥ 1.5 U/ml - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 10 – 1000 mg/dl 0.11 – 11.4 mmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	7	Hộp
12	Thuốc thử Urea UV	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Urea trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Phương pháp: Thủy phân Urea và phản ứng của a-ketoglutarate tạo ra NAD⁺ (dưới xúc tác của enzym GLDH) - Thành phần: R1: TRIS buffer (pH 7.8) 125 mmol/l ADP 0.88 mmol/l, Urease ≥ 20 kU, GLDH ≥ 0.3 kU, Sodium azide 0.095%. R2: alpha-Ketoglutarate 25 mmol/l, NADH 1.25 mmol/l, Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 5 – 350 mg/dl 0.83 – 58.3 mmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	3	Hộp
13	Thuốc thử Acid Uric	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Uric Acid trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Phương pháp: TOOS + PAP -Thành phần: R1: Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l, TOOS 1 mmol/l, Ascorbate oxidase ≥ 1 KU/l. R2: Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l, 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l, Potassium hexacyanoferrate (II) ≥ 10 μmol/l, Peroxidase ≥ 1 KU/l, Uricase ≥ 0.1 KU/l 	2	Hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 1 – 25 mg/dl 59.5 – 1487 μmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR		
14	Nước rửa kim hút hệ thống sinh hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa máy chuyên dùng cho máy xét nghiệm HumaStar300 - HumaStar 600 - Thành phần: Chất tẩy rửa 25%, Chất bảo quản < 0.095 % - Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC, ở nhiệt độ phòng bền tới hạn sử dụng Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	1	Hộp
15	Nước pha loãng rửa hệ thống sinh hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch pha loãng mẫu chuyên dùng cho máy HumaStar, lọ có mã vạch đóng - Thành phần: 9 g/l sodium chloride; 0.095% Gentamicin sulphate -Độ bền trên máy: 30 ngày Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	6	Hộp
16	Thuốc thử Cholesterol	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Cholesterol trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin/EDTA. - Phương pháp: enzymatic hydrolysis and oxidation - Thành phần: R1: Phosphate buffer, pH 6.5 30 mmol/l, 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/l, Phenol 5 mmol/l, Peroxidase (POD) \geq 5 KU/l, Cholesterol esterase (CHE) \geq 150 U/l, Cholesterol oxidase (CHO) \geq 100 U/l, Sodium azide 0.05 % -Độ bền trên máy: 56 ngày Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR	11	Hộp
17	Thuốc thử Amylase	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng alpha-Amylase trong huyết thanh hoặc huyết tương tráng heparin. - Phương pháp: So màu chất lỏng alpha-Amylase - Thành phần: R1: MES buffer, pH 6.0 36 mmol/l CNPG3 1.6 mmol/l, Calcium acetate 3.6 mmol/l, Sodium chloride 37 mmol/l, Potassium thiocyanate 253 mmol/l Sodium azide 0.095 % 	1	hộp

		<ul style="list-style-type: none"> - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 3.85 – 1730 U/l or 0.07 – 28.8 μkat/l* *IFCC standardization Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 		
18	Thuốc thử Bilirubin Direct	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Bilirubin-D trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. - Phương pháp: DPD - Thành phần: R1: Hydrochloric acid (pH < 1.0) 170 mmol/l. R2: Sulphuric Acid (pH < 1,0) <5%, 3,5-dichlorophenyl-diazonium-tetrafluoroborate 0.24 mmol/l - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 0.1 – 10.0 mg/dl or 1.71 – 171 μmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 	1	hộp
19	Thuốc thử Bilirubin Total	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Bilirubin-T trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin. - Phương pháp: DPD - Thành phần: Caffeine 5.2 mmol/l, Chất tẩy rửa, Chất bảo quản. R2: 3,5-dichlorophenyl-diazonium-tetrafluoroborate 0.9 mmol/l, Caffeine 5.2 mmol/l, Chất tẩy rửa, Chất bảo quản - Độ bền trên máy: 56 ngày - Dãy đo: 0.10 – 20 mg/dl 1.71 – 342 μmol/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 	1	hộp
20	Thuốc thử Protein total	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh hoặc huyết tương trắng heparin /EDTA. - Phương pháp: Colorimetric test từ phản ứng của Cupric ions + protein trong dd kiềm - Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/l, Potassium sodium tartrate 32 mmol/l, Copper sulfate 12 mmol/l, Potassium iodide 30 mmol/l - Độ bền trên máy: 28 ngày - Dãy đo: 0.2 – 12 g/dl 2 – 120 g/l Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa 	1	hộp

		HS300SR		
21	Nước rửa hệ thống sinh hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa đặc biệt được cung cấp đặc biệt để chuẩn bị dung dịch rửa cho máy HumaStar 100, 200, 300,600 và các máy cùng nhóm của Human GmbH, có thể áp dụng quy trình rửa đặc biệt công đo và kim. - Thành phần: có chứa Natri hydroxide (NaOH) 2 mol/l. -Điều kiện bảo quản: bảo quản ở 2-25oC bền tới hạn sử dụng Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR - Độ ổn định: Dung dịch pha loãng 60 mmol / l có độ ổn định 1 tuần 	6	hộp
22	Dung dịch rửa cuvette	<ul style="list-style-type: none"> - Dung dịch rửa công đo cho máy sinh hóa tự động - Thành phần: NaOH < 2% Secondary alkaline sulfonates < 2% Detergents < 10% - Độ bền: 36 tháng Hóa chất phù hợp với máy sinh hóa HS300SR 	4	hộp
23	Bóng đèn Halogen	Bóng đèn Halogen, sử dụng phù hợp cho máy sinh hóa tự động Humastar 300SR	4	cái
24	Cuvette chạy mẫu	Cuvette phù hợp với hệ thống sinh hóa tự động Humastar300SR	1	hộp
25	Bộ bảo trì 24 tháng cho máy HUmaStar 300SR	<ul style="list-style-type: none"> Bộ bảo trì bao gồm các phụ kiện phù hợp thay thế định kỳ mỗi 24 tháng cho máy HumaStar 300SR, bao gồm: - Kim trong hệ thống hút rửa cuvettes. Số lượng: 02 cái. - Kim sấy khô cuvette trong hệ thống hút rửa cuvettes. Số lượng: 01 cái. - Bộ ống dây dịch. Số lượng: 01 bộ. - Gioăng của Diluter Syringe hút mẫu và hóa chất. Số lượng: 02 cái. - Dây bơm nhu động của hệ thống rửa cuvette. Số lượng: 10 cái. - Bộ cuvettes phản ứng dùng cho máy HumaStar 300SR. Số lượng: 01 bộ. - Màng bơm của bơm chân không. Số lượng: 02 cái. - Ống kết nối dây dịch. Số lượng: 04 cái. - Gioăng của kim hút mẫu và hóa chất. Số lượng: 01 cái. - Đầu giữ kim hút mẫu. Số lượng: 02 cái 	1	Bộ

		- Kim hút mẫu. Số lượng: 02 cái		
B. Hoá chất xét huyết học				
26	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch pha loãng sử dụng được và phù hợp với các máy huyết học dòng HumaCount 80 TS; Sau khi mở nắp độ ổn định trên 30 ngày.	96	Thùng
27	Dung dịch rửa máy dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch rửa máy sử dụng được và phù hợp với các máy huyết học với dòng máy HumaCount 80TS; Sau khi mở nắp độ ổn định trên 30 ngày	36	Bình
28	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm huyết học	Dung dịch ly giải hồng cầu sử dụng được và phù hợp với các máy huyết học dòng HumaCount 80TS; Sau khi mở nắp độ ổn định trên 30 ngày;	18	Hộp
29	Hoá chất chuẩn máy, nội kiểm	Hoá chất kiểm chuẩn cho máy huyết học 3TP. 3 mức: thấp, trung bình, cao; Hóa chất sử dụng được và phù hợp với máy huyết học HumaCount 80TS	6	Hộp
Tổng: 29 khoản				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế

- Địa điểm cung cấp: Trung tâm y tế Quận Ngũ Hành Sơn, địa chỉ: 582 đường Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

- Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: các nhà cung cấp nêu phương án đính kèm báo giá.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày.

4. Các thông tin khác:

- Các đơn vị cung cấp Bảng chào giá phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải cung cấp kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá.

- Báo giá phải thể hiện rõ giá trị thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, thiết bị.

- Hồ sơ chào giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá; bên ngoài phong bì phải ghi rõ nội dung là **CHÀO GIÁ HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM** để tiện theo dõi.

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá có đóng dấu hợp pháp của đơn vị.

+ Bảng mô tả cấu hình cơ bản và thông số kỹ thuật chi tiết của từng thiết bị phù hợp với yêu cầu (bản mềm gửi vào email).

+ Giấy phép kinh doanh của đơn vị, hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán

trang thiết bị y tế.

+ Catalog tiếng Anh + tiếng Việt tương ứng (bản cứng+bản mềm).

+ Kê khai giá (nếu có).

Lưu ý:

+ **Mẫu Báo giá được đính kèm theo Phụ lục 1, các đơn vị gửi sai mẫu báo giá này được xem như không hợp lệ và không được xét duyệt.**

+ **Hàng hóa chào giá là hàng hóa mới 100%, đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương, chưa qua sử dụng, đảm bảo tuân thủ theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP (đối với trang thiết bị y tế).**

Rất mong nhận được sự quan tâm của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu: VT

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Hưng

PHỤ LỤC 1

Mẫu báo giá

(Đính kèm yêu cầu báo giá ngày tháng năm 2024 của Trung tâm y tế Quận Ngũ Hành Sơn)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm y tế Quận Ngũ Hành Sơn.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm y tế Quận Ngũ Hành Sơn chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của nhà cung cấp; trường hợp nhiều nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan.

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ Chưa VAT(VND)	Thuế VAT (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.